

Số: 831 /QĐ-UBND

Phổ Yên, ngày 30 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả tuyển dụng, kỳ xét tuyển viên chức sự nghiệp
giáo dục và đào tạo phường Phổ Yên năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHỔ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ
Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số
85/2023/NĐ-CP, ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng
và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 01/2025/TT-BNV ban hành ngày 17/03/2025 về ban
hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức,
viên chức;

Căn cứ Thông tư 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ Giáo dục
và Đào tạo về việc Quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo (đã được cấp có
thẩm quyền xem xét, phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo
trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế
hoạch đã được phê duyệt cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026);

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01/10/2025 của UBND
tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy đối với tổ
chức hành chính, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức thuộc tỉnh Thái
Nguyên;

Căn cứ Công văn số 4524/SNV-CCVC ngày 24/12/2025 của Sở Nội vụ
tỉnh Thái Nguyên về thống nhất một số nội dung về Kế hoạch tuyển dụng viên
chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của UBND phường Phổ Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường
Phổ Yên về tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo phường
Phổ Yên năm 2025;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng tại Báo cáo số 15/BC-HĐTD ngày
30/03/2026 của Hội đồng tuyển dụng phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xét tuyển của 202 thí sinh đủ điều kiện dự xét
tuyển vòng 2, trong đó: 71 thí sinh dự tuyển bậc mầm non, 86 thí sinh dự tuyển bậc
tiểu học và 45 thí sinh dự tuyển bậc trung học cơ sở.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).



Điều 2. Hội đồng tuyển dụng tổ chức thực hiện quy trình tiếp theo đảm bảo theo đúng quy định và Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Phổ Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Hội đồng tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo phường Phổ Yên và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Thi hành);
- Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên (Báo cáo);
- TT Đảng uỷ (Báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- Trang thông tin điện tử phường Phổ Yên;
- Lưu: VT, HSTD.



Nguyễn Việt Hùng



**DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN
KỲ THI VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHƯỜNG PHỔ YÊN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 831/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của Ủy ban nhân dân phường Phổ Yên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Giới tính	Dân tộc	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Phiếu phỏng vấn			Điểm thi	Tổng điểm (Thi + ưu tiên)	Vị trí dự tuyển	Kết quả xét tuyển	Phòng thi số
										Giám khảo số 1	Giám khảo số 2	Trung bình					
1	001	Ma Thị Quỳnh Anh	02/09/2002	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đối tượng ưu tiên	5	70	70	70	70	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 1
2	002	Đình Thị Phương Anh	24/03/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		73	73	73	73	73	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 1
3	003	Nguyễn Thị Minh Ánh	28/09/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
4	004	Lê Thị Ánh	01/04/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
5	005	Dương Thị Ngọc Ánh	01/03/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đối tượng ưu tiên	5	40	40	40	40	45	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 1
6	006	Nguyễn Minh Ánh	25/11/2000	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
7	007	Hoàng Thị Ban	11/12/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Nùng	Đối tượng ưu tiên	5	75	75	75	75	80	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 1
8	008	Trần Thị Chuyên	12/12/2001	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Sán Chi	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
9	009	Lưu Thị Diễm	28/05/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
10	010	Đàm Thị Định	02/10/1998	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
11	011	Nguyễn Thu Hà	14/12/2002	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		42	42	42	42	42	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 1
12	012	Nguyễn Thị Hà	28/12/2002	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
13	013	Lê Thị Hạnh	16/09/1993	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
14	014	Nguyễn Thúy Hằng	08/11/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		52	52	52	52	52	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 1
15	015	Hoàng Thị Hậu	04/03/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 1
16	016	Nguyễn Thị Hiền	07/08/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02
17	017	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/06/1999	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		65	65	65	65	65	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02
18	018	Nguyễn Thị Đức Hiền	24/08/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		55	55	55	55	55	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02
19	019	Lương Thị Thu Hiền	01/09/1998	Đại học	Sư phạm mầm non	Nữ	Tày	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 02

20	020	Ban Thị Hiền	01/03/1995	Cao đẳng	Sư phạm Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	50	50	50	50	55	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02	
21	021	Hoàng Thu Hiền	09/07/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	50	50	50	50	55	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02	
22	022	Ma Đào Thu Hiền	14/06/2004	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên		40	40	40	40	40	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02	
23	023	Võ Thị Hoài	23/12/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		90	90	90	90	90	Giáo viên Mầm non	Trúng tuyển	Phòng thi số 02	
24	024	La Thị Hoàn	06/05/2003	Cao đẳng	Sư phạm mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	70	70	70	70	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02	
25	025	Phạm Thị Hải Hồng	28/04/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		65	65	65	65	65	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02	
26	026	Nông Thị Linh Huệ	24/10/2001	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 02
27	027	Hoàng Thị Huyền	18/03/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 02
28	028	Chu Mai Hương	11/12/1997	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 02
29	029	Ma Thị Thủy Kiều	15/11/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	70	70	70	70	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 02	
30	030	Triệu Thị Thanh Lan	06/09/1998	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 02
31	031	Phùng Thị Lệ	13/12/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Nùng	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
32	032	Nguyễn Thị Liên	21/03/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		70	70	70	70	70	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 03	
33	033	Nông Thị Hồng Linh	23/10/2003	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	71	70	70.5	70.5	75.5	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 03	
34	034	Dương Thùy Linh	26/01/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		62	60	61	61	61	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 03	
35	035	Nguyễn Thị Linh	09/10/1997	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
36	036	Đặng Thị Hồng Loan	05/01/1993	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
37	037	Hoàng Tiểu Mây	03/04/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	74	73.5	73.75	73.75	78.75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 03	
38	038	Đỗ Thái Huyền My	06/11/2001	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	88	88	88	88	93	Giáo viên Mầm non	Trúng tuyển	Phòng thi số 03	
39	039	Dương Thị Nga	02/04/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
40	040	Nguyễn Thị Ngân	02/01/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
41	041	Nông Thị Ngọc	06/11/1998	Đại học	Sư phạm mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
42	042	Lương Tiểu Nhã	06/09/2000	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Nùng	Đối tượng ưu tiên	5	73	73	73	73	78	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 03	
43	043	Lương Thị Hương Nhái	08/06/1995	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên					0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03

100

44	044	Bùi Thị Nhung	13/08/1984	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 03
45	045	Phùng Thị Nga	11/03/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		73.5	73	73.25	73.25	73.25	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 03
46	046	Nông Thị Oanh	22/09/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	60	60	60	60	65	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
47	047	Nguyễn Thị Oanh	10/04/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 04
48	048	Vũ Thị Minh Phương	13/10/2001	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		88	88	88	88	88	Giáo viên Mầm non	Trúng tuyển	Phòng thi số 04
49	049	Lưu Thị Phương	23/12/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 04
50	050	Dương Thị Quý	05/01/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		65	65	65	65	65	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
51	051	Xa Thị Thu Quỳnh	13/12/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	72	72	72	72	77	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
52	052	Cà Thị Sơn	18/09/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	70	70	70	70	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
53	053	Ma Thị Thạch	23/12/1998	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 04
54	054	Triệu Thị Phương Thảo	18/08/2001	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	74	74	74	74	79	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
55	055	Trần Thị Phương Thảo	20/11/1996	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
56	056	Phan Thị Thảo	18/07/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Sán Diu	Đối tượng ưu tiên	5	70	70	70	70	75	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
57	057	Hoàng Thị Thảo	03/04/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	65	65	65	65	70	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
58	058	Đinh Thị Phương Thảo	29/09/2002	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 04
59	059	Triệu Thị Thiên	05/01/2003	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Dao	Đối tượng ưu tiên	5	67	67	67	67	72	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
60	060	Nông Thị Thời	11/09/2002	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	74	74	74	74	79	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 04
61	061	Sái Thị Phương Thủy	04/08/2003	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 05
62	062	Phùng Thị Anh Thư	04/04/2004	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		86.5	86.5	86.5	86.5	86.5	Giáo viên Mầm non	Trúng tuyển	Phòng thi số 05
63	063	Đỗ Thị Thanh Thư	06/02/2002	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 05
64	064	Nông Thị Thương	17/02/1988	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Nùng	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 05
65	065	Lý Thị Trang	03/09/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Dao	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 05
66	066	Trần Thị Thủy Trang	21/03/1999	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 05
67	067	Nguyễn Thị Thủy Trang	13/06/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Mầm non	Bỏ thi	Phòng thi số 05

lsh

68	068	Nguyễn Thị Thu Trang	16/08/2000	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		85.5	85	85.25	85.25	85.25	Giáo viên Mầm non	Trúng tuyển	Phòng thi số 05
69	069	Chăm Thị Uyên	21/09/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	85	85.5	85.25	85.25	90.25	Giáo viên Mầm non	Trúng tuyển	Phòng thi số 05
70	070	Hà Thị Xuân	13/02/2001	Đại học	Giáo dục mầm non	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	76.5	76	76.25	76.25	81.25	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 05
71	071	Nguyễn Thị Yên	28/11/2004	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Nữ	Kinh	Không		69.9	69	69.45	69.45	69.45	Giáo viên Mầm non	Không trúng tuyển	Phòng thi số 05
72	072	Nguyễn Phương Anh	24/11/2001	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	65	65	65	65	70	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
73	073	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	25/06/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 06
74	074	Dương Thị Ngọc Ánh	13/12/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		73	70	71.5	71.5	71.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
75	075	Hoàng Thị Bé	03/05/1988	Đại học	Sư phạm Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 06
76	076	Lương Thị Cảnh	14/04/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	70	70	70	70	75	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
77	077	Đoàn Thị Cúc	29/04/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Nùng	Đổi tương ưu tiên	5	60	60	60	60	65	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
78	078	Hoàng Thị Chuyên	01/05/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	69	70	69.5	69.5	74.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
79	079	Hà Thị Diễm	16/01/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	55	55	55	55	60	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
80	080	Hoàng Thị Diễm	24/09/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 06
81	081	Nguyễn Thị Duyên	02/09/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 06
82	082	Hoàng Thị Đạm	09/03/1993	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	74	72	73	73	78	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
83	083	Trần Thị Gám	18/08/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		65	65	65	65	65	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
84	084	Trương Thị Gám	28/11/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 06
85	085	Lương Thị Hà	23/02/1986	Đại học	Giáo dục tiểu học	Nữ	Kinh	Không		90	90	90	90	90	GV Tiểu học 9 môn	Trúng tuyển	Phòng thi số 06
86	086	Vũ Thị Hồng Hạnh	20/09/1993	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		62	60	61	61	61	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 06
87	087	Vũ Thị Minh Hằng	08/07/1998	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Người dân tộc thiểu số				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07
88	088	Đặng Thị Hằng	16/10/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		66	66	66	66	66	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
89	089	Lê Thị Hiền	05/09/1992	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		68	68	68	68	68	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
90	090	Nông Thị Hoa	20/08/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên	5	64	64	64	64	69	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
91	091	Ma Thị Hoài	29/06/1993	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tày	Đổi tương ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07

92	092	Nông Phương Hoài	04/10/1997	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	74	74	74	74	79	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
93	093	Lý Ngọc Huệ	09/01/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	71	71	71	71	76	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
94	094	Hà Thị Huệ	11/02/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07
95	095	Nguyễn Thị Huệ	22/01/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07
96	096	Hoàng Thị Thu Huyền	10/03/2000	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Nùng	Đối tượng ưu tiên		70	70	70	70	70	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
97	097	Hoàng Thị Huyền	01/08/1997	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	75	75	75	75	80	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
98	098	Nguyễn Thu Huyền	28/09/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07
99	099	Nguyễn Thị Hương	20/09/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07
100	100	Hà Thị Hường	28/02/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	75	75	75	75	80	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 07
101	101	Hoàng Thị Kiều	15/09/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 07
102	102	Nguyễn Thị Phương Khánh	09/08/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		62	64	63	63	63	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
103	103	Trần Thị Lan	20/02/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 08
104	104	Bàn Thị Lành	01/02/2000	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Dao	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 08
105	105	Trần Thị Lân	28/07/1997	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Cao Lan	Đối tượng ưu tiên	5	74	73	73.5	73.5	78.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
106	106	Hoàng Thị Kim Liên	08/01/2001	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	60	62	61	61	66	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
107	107	Nguyễn Thị Linh	15/05/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	68	66	67	67	72	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
108	108	Nguyễn Bảo Linh	06/01/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 08
109	109	Hoàng Thị Linh	28/07/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên		62	61	61.5	61.5	61.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
110	110	Đỗ Thị Lương	12/04/1997	Đại học	Giáo dục tiểu học	Nữ	Kinh	Không		73	71	72	72	72	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
111	111	Ma Thị Ly	06/02/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	73	72	72.5	72.5	77.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
112	112	Đào Hương Ly	21/10/2000	Đại học	Cử nhân Giáo dục Tiểu học - sư phạm Tiếng Anh	Nữ	Kinh	Không		70	70	70	70	70	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
113	113	Nguyễn Thị Mai	04/12/1984	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên		60	60	60	60	60	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
114	114	Nguyễn Thị My	15/06/1998	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		65	67	66	66	66	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
115	115	Nguyễn Kiều Nga	16/07/1989	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		91	91	91	91	91	GV Tiểu học 9 môn	Trúng tuyển	Phòng thi số 08

116	116	Đào Thị Nga	16/03/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		65	64	64.5	64.5	64.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 08
117	117	Châu Thị Ngọc	28/04/2001	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 09
118	118	Đinh Thị Ngọc	10/10/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		60	61	60.5	60.5	60.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
119	119	Nông Thị Minh Nguyệt	21/02/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên	5	61	61	61	61	66	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
120	120	Nguyễn Thị Nguyệt	12/04/1986	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 09
121	121	Nguyễn Thị Nhi	06/08/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		73	71	72	72	72	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
122	122	Ngô Hồng Nhung	27/06/1998	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		70	71	70.5	70.5	70.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
123	123	Liêu Kim Oanh	13/01/1993	Đại học	Sư phạm Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên		63	64	63.5	63.5	63.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
124	124	Quách Văn Phúc	29/08/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nam	Kinh	Không		60	58	59	59	59	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
125	125	Luân Hoài Phương	25/12/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Nùng	Đổi tượng ưu tiên	5	87	88	87.5	87.5	92.5	GV Tiểu học 9 môn	Trúng tuyển	Phòng thi số 09
126	126	Nông Thị Lan Phương	13/03/1994	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Nùng	Đổi tượng ưu tiên	5	58	59	58.5	58.5	63.5	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
127	127	Trần Xuân Quỳnh	14/03/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		68	66	67	67	67	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
128	128	Bùi Thị Minh Tâm	03/12/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 09
129	129	Nguyễn Thị Tâm	10/11/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		64	62	63	63	63	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
130	130	Ma Thị Thạch	16/09/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 09
131	131	Nguyễn Thị Phương Thanh	21/01/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 09
132	132	Vũ Thị Phương Thảo	01/11/2001	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên	5	58	56	57	57	62	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 09
133	133	Nguyễn Thị Thềm	20/07/1991	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
134	134	Hoàng Thị Thiệp	01/12/1990	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên		35	37	36	36	36	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 10
135	135	Nguyễn Thị Thu	10/05/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
136	136	Lưu Thị Thu	24/08/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
137	137	Hoàng Thị Thùy	05/12/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
138	138	Hoàng Thị Thu Thùy	09/12/2003	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đổi tượng ưu tiên	5	71	71	71	71	76	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 10
139	139	Giáp Thị Thu	29/07/2000	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10

140	140	Nguyễn Thị Hoài Thương	20/10/1995	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Con thương binh	5	68	68	68	68	73	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 10
141	141	Hoàng Thị Thu Trang	24/01/1988	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		87	88	87.5	87.5	87.5	GV Tiểu học 9 môn	Trúng tuyển	Phòng thi số 10
142	142	Phạm Thị Thu Trang	15/02/1992	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
143	143	Trần Đào Trung	09/12/2000	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nam	Kinh	Không		86	85	85.5	85.5	85.5	GV Tiểu học 9 môn	Trúng tuyển	Phòng thi số 10
144	144	Lê Thị Thanh Vân	17/10/2002	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	45	47	46	46	51	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 10
145	145	Trần Thị Xoan	07/10/1992	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
146	146	Nguyễn Thị Hải Yến	14/04/1993	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		72	74	73	73	73	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 10
147	147	Dương Thị Hồng Yến	29/10/1997	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Kinh	Không		70	72	71	71	71	GV Tiểu học 9 môn	Không trúng tuyển	Phòng thi số 10
148	148	Trần Thị Hải Yến	16/12/1996	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Nữ	Sán Chi	Đối tượng ưu tiên				0	0	0	GV Tiểu học 9 môn	Bỏ thi	Phòng thi số 10
149	149	Trần Thị Bắc	05/03/1987	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Nữ	Kinh	Không		65	65	65	65	65	Giáo viên Tiếng Anh	Trúng tuyển	Phòng thi số 11
150	150	Hà Ngọc Duy	23/05/2001	Đại học	Giáo dục Thể chất	Nam	Tây	Đối tượng ưu tiên	5	87	87	87	87	92	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trúng tuyển	Phòng thi số 11
151	151	Đặng Thái Giang	06/10/1994	Đại học	Sư phạm Giáo dục Thể chất	Nam	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên Giáo dục thể chất	Không trúng tuyển	Phòng thi số 11
152	152	Phạm Thị Minh Hải	15/01/1986	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên Âm nhạc	Bỏ thi	Phòng thi số 11
153	153	Dương Thị Hương	02/03/1986	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Nữ	Kinh	Không		72	72	72	72	72	Giáo viên Âm nhạc	Không trúng tuyển	Phòng thi số 11
154	154	Nguyễn Thị Ngọc Loan	10/03/2001	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Nữ	Kinh	Không		60.5	60.5	60.5	60.5	60.5	Giáo viên Tiếng Anh	Không trúng tuyển	Phòng thi số 11
155	155	Nguyễn Đăng Hồng Ngọc	27/10/2003	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Nữ	Kinh	Không		90	90	90	90	90	Giáo viên Âm nhạc	Trúng tuyển	Phòng thi số 11
156	156	Trần Thị Quỳnh	05/01/1992	Đại học	Sư phạm Thể dục - thể thao	Nữ	Kinh	Không		55	55	55	55	55	Giáo viên Giáo dục thể chất	Không trúng tuyển	Phòng thi số 11
157	157	Lưu Minh Thơm	26/12/1999	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Nữ	Kinh	Không		57	57	57	57	57	Giáo viên Tiếng Anh	Không trúng tuyển	Phòng thi số 11
158	158	Phạm Thị Lan Anh	31/08/1995	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	Nữ	Kinh	Không		70	72	71	71	71	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
159	159	Trương Thùy Dương	09/06/1992	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Tây	Dân tộc thiểu số				0	0	0	Giáo viên THCS Sinh học	Bỏ thi	Phòng thi số 12
160	160	Nguyễn Thị Hương Giang	23/10/1996	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS Sinh học	Bỏ thi	Phòng thi số 12
161	161	Trần Thị Hằng	24/12/1991	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Kinh	Không		60	62	61	61	61	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
162	162	Nguyễn Thị Hằng	20/04/1985	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Kinh	Không		50	50	50	50	50	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
163	163	Trương Thị Hằng	17/11/1996	Đại học	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Nữ	Kinh	Không		52	52	52	52	52	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12

164	164	Hoàng Thị Hiệp	03/10/1992	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Tây	Dân tộc thiểu số	5	74	74	74	74	79	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
165	165	Nguyễn Thị Phương Hoa	29/04/1994	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Kinh	Không		50	52	51	51	51	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
166	166	Bùi Thị Huyền	08/12/1997	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Kinh	Không		86	88	87	87	87	Giáo viên THCS Sinh học	Trúng tuyển	Phòng thi số 12
167	167	Lương Thị Hương	02/04/1994	Đại học	Sư phạm Sinh-Hóa	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS Sinh học	Bỏ thi	Phòng thi số 12
168	168	Nguyễn Thị Loan	06/04/1998	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Kinh	Không		70	70	70	70	70	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
169	169	Lương Hồng Ngọc	06/12/1995	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Tây	Dân tộc thiểu số	5	65	67	66	66	71	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
170	170	Lương Thị Kim Sang	16/05/1993	Đại học	Sư phạm Sinh học	Nữ	Cao Lan	Dân tộc thiểu số	5	65	65	65	65	70	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
171	171	Đặng Thị Hồng Tươi	14/09/2003	Đại học	Sư phạm Sinh học (chất lượng cao)	Nữ	Kinh	Không		60	60	60	60	60	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
172	172	Phạm Hải Yến	15/08/1994	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	Nữ	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên THCS Sinh học	Không trúng tuyển	Phòng thi số 12
173	173	Lê Thị Thu Hằng	01/09/1996	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Kinh	Không		61	60	60.5	60.5	60.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
174	174	Lưu Thị Thu Hiền	16/09/1997	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học	Nữ	Kinh	Không		74	75	74.5	74.5	74.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
175	175	Nguyễn Thị Hiền	19/04/1989	Đại học	Sư phạm Toán học	Nữ	Kinh	Không		70	73	71.5	71.5	71.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
176	176	Nguyễn Thị Hương	08/09/1992	Đại học	Sư phạm Toán-Lý	Nữ	Kinh	Không		67	65	66	66	66	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
177	177	Nguyễn Phương Linh	03/12/2003	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Toán	Bỏ thi	Phòng thi số 13
178	178	Nguyễn Thị Loan	11/10/1993	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Tây	Dân tộc thiểu số	5	51	50	50.5	50.5	55.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
179	179	Bùi Thị Nguyệt	21/08/1993	Đại học	Sư phạm toán tin	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Toán	Bỏ thi	Phòng thi số 13
180	180	Phùng Thị Kim Oanh	14/10/1991	Thạc sĩ	Toán giải tích	Nữ	Kinh	Không		55	56	55.5	55.5	55.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
181	181	Vũ Thị Phúc	23/08/1994	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Kinh	Không		74	73	73.5	73.5	73.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
182	182	Đàm Thị Thảo	11/09/1989	Thạc Sĩ	Toán giải tích	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Toán	Bỏ thi	Phòng thi số 13
183	183	Hoàng Thị Thanh Thắm	22/02/1995	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Kinh	Không		87	86	86.5	86.5	86.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Trúng tuyển	Phòng thi số 13
184	184	Phạm Thị Thoa	02/06/1997	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Toán	Bỏ thi	Phòng thi số 13
185	185	Hoàng Sỹ Xanh	17/11/1995	Đại học	Sư phạm toán học	Nữ	Nùng	Dân tộc thiểu số	5	74	75	74.5	74.5	79.5	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
186	186	Nguyễn Thị Xuân	29/01/1989	Cử nhân	Sư phạm Toán học	Nữ	Kinh	Không		68	66	67	67	67	Giáo viên THCS dạy Toán	Không trúng tuyển	Phòng thi số 13
187	187	Trương Thị Hà	07/08/1991	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		70	70	70	70	70	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14

188	188*	Trần Thị Thủy Hằng	22/02/1997	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		67	67	67	67	67	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
189	189	Ngô Thị Thu Hằng	04/05/1994	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
190	190	Đinh Thị Hồng	15/08/1990	Đại học	Sư phạm Sử-Địa	Nữ	Mường	Dân tộc thiểu số				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Bỏ thi	Phòng thi số 14
191	191	Hoàng Thị Hương	12/02/1990	Cử nhân	Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		85	85	85	85	85	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Trúng tuyển	Phòng thi số 14
192	192	Dương Thị Hương	12/08/1991	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Bỏ thi	Phòng thi số 14
193	193	Đào Thị Ngọc Khánh	12/07/1998	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		73	73	73	73	73	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
194	194	Nguyễn Thị Lâm	24/06/1992	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Bỏ thi	Phòng thi số 14
195	195	Nguyễn Thị Lương	19/05/1995	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		70.5	70.5	70.5	70.5	70.5	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
196	196	Tạ Thị Nguyệt	02/08/1991	Đại học	Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		65	65	65	65	65	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
197	197	Nguyễn Thị Thanh Tâm	20/09/1990	Đại học	Sư phạm Văn - Sử	Nữ	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
198	198	Đặng Thị Minh Tâm	30/08/1996	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Dao	Dân tộc thiểu số	5	55	55	55	55	60	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
199	199	Nguyễn Thị Trang	02/09/2003	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Bỏ thi	Phòng thi số 14
200	200	Nguyễn Thị Trang	20/11/1990	Đại học	Lịch sử	Nữ	Kinh	Không				0	0	0	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Bỏ thi	Phòng thi số 14
201	201	Dương Minh Uyên	07/08/1995	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		75	75	75	75	75	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Không trúng tuyển	Phòng thi số 14
202	202	Trần Thị Vân	25/07/1994	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Nữ	Kinh	Không		85.5	85.5	85.5	85.5	85.5	Giáo viên THCS dạy Lịch sử	Trúng tuyển	Phòng thi số 14

DP